



Flashcardo.com

Vi hoppas att dessa utskrivbara flashcards kommer att vara användbara för dig. För att hitta ännu fler flashcards-produkter, gå till vår webbplats www.flashcardo.com/sv. På Flashcardo.com erbjuder vi online-flashcards, flashcards med upprepade inläring, video-flashcards och mycket mer. Allt är gratis och redo att användas av elever över hela världen.

Upphovsrätt, licensanteckningar

Denna PDF är skyddad enligt upphovsrättslagen och alla rättigheter är förbehållna. Du får gärna dela denna PDF med vem som helst. Däremot är det inte tillåtet att sälja denna PDF eller dess innehåll. Om du har några frågor, gå till www.flashcardo.com/sv för att kontakta oss. Tack!

Ansvarsfriskrivning

DENNA PDF TILLHANDAHÅLLS "I BEFINTLIGT SKICK", UTAN NÅGON SOM HELST GARANTI, VARE SIG UTTRYCKLIG ELLER UNDERFÖRSTÅDD, INKLUSIVE MEN INTE BEGRÄNSAT TILL GARANTIER OM SÄLJBARHET, LÄMPLIGHET FÖR ETT VISST ÄNDAMÅL OCH ICKE-INTRÅNG. UNDER INGA OMSTÄNDIGHETER SKA FÖRFATTARNA ELLER UPPHOVSRÄTTSSINNEHAVARNA VARA ANSVARIGA FÖR NÅGRA ANSPRÅK, SKADOR ELLER ANNAT ANSVAR, VARE SIG I ETT AVTAL, SKADESTÅND ELLER ANNAT, SOM UPPSTÅR FRÅN, UTANFÖR ELLER I SAMBAND MED PDF ELLER ANVÄNDNINGEN AV ELLER ANDRA HANTERINGAR AV PDF.

Upphovsrätt © 2025 Flashcardo.com. Alla rättigheter förbehållna

Dubbelsidig utskrift

Observera att dessa flashcards är avsedda att skrivas ut dubbelsidigt. Om din skrivare inte kan skriva ut dubbelsidigt, ladda ner de enskilda flashcard-PDF för utskrift.

Grundläggande

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

han

du

jag

vi

den/det

hon

vad

de/dem

ni

varför

var

vem

när

vilken

hur

verkligen

om

sedan

inte

eftersom

men

này

đó
vật

tất cả

hoặc

và

đây

đó
địa điểm

trái

phải

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

alla

det där

det här

här

och

eller

höger

vänster

där

förmiddag

eftermiddag

nu

kväll

morgon

natt

timme

midnatt

middagstid

dag

sekund

minut

tuần

tháng

năm

hôm qua

hôm nay

ngày mai

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

år

månad

vecka

i morgon

i dag

i går

onsdag

tisdag

måndag

lördag

fredag

torsdag

man

kvinna

söndag

flickvän

pojkvän

kärlek

sex

kyss

vän

trẻ em

con gái
đại cường

con trai
đại cường

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

chồng

vợ

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

pojke

flicka

barn

mor

pappa

mamma

son

förälder

far

lillebror

lillasyster

dotter

make

storebror

storasyster

alltid

varje

maka

redan

igen

faktiskt

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

không có

rất

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

mọi người

cùng nhau

khác

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

mer

mest

mindre

utanför

väldigt

ingen

nära

långt borta

inuti

bredvid

ovan

under

alla

bak

fram

vår

andra

tillsammans

vinter

höst

sommar

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

bắc

đông

nam

tây

thường xuyên

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

mars

februari

januari

juni

maj

april

september

augusti

juli

december

november

oktober

syd

öst

nord

omedelbart

ofta

väst

även om

plötsligt

Siffror

không

một

hai

ba

bốn

năm

sáu

bảy

tám

chín

mười

mười một

mười hai

mười ba

mười bốn

mười năm

mười sáu

mười bảy

mười tám

mười chín

hai mươi

2	1	0
5	4	3
8	7	6
11	10	9
14	13	12
17	16	15
20	19	18

hai mươi mốt

hai mươi hai

hai mươi sáu

ba mươi

ba mươi mốt

ba mươi ba

ba mươi bảy

bốn mươi

bốn mươi mốt

bốn mươi bốn

bốn mươi tám

năm mươi

năm mươi mốt

năm mươi lăm

năm mươi chín

sáu mươi

sáu mươi mốt

sáu mươi hai

sáu mươi sáu

bảy mươi

bảy mươi mốt

26

22

21

33

31

30

41

40

37

50

48

44

59

55

51

62

61

60

71

70

66

bảy mươi ba

bảy mươi bảy

tám mươi

tám mươi mốt

tám mươi bốn

tám mươi tám

chín mươi

chín mươi mốt

chín mươi lăm

chín mươi chín

một trăm

một trăm linh một

một trăm linh năm

một trăm mười

một trăm năm mươi mốt

hai trăm

hai trăm linh hai

hai trăm linh sáu

hai trăm hai mươi

hai trăm sáu mươi hai

ba trăm

80

77

73

88

84

81

95

91

90

101

100

99

151

110

105

206

202

200

300

262

220

ba trăm linh ba

ba trăm linh bảy

ba trăm ba mươi

ba trăm bảy mươi ba

bốn trăm

bốn trăm linh bốn

bốn trăm linh tám

bốn trăm bốn mươi

bốn trăm tám mươi bốn

năm trăm

năm trăm linh năm

năm trăm linh chín

năm trăm năm mươi

năm trăm chín mươi lăm

sáu trăm

sáu trăm linh một

sáu trăm linh sáu

sáu trăm mười sáu

sáu trăm sáu mươi

bảy trăm

bảy trăm linh hai

330

307

303

404

400

373

484

440

408

509

505

500

600

595

550

616

606

601

702

700

660

bảy trăm linh bảy

bảy trăm hai mươi bảy

bảy trăm bảy mươi

tám trăm

tám trăm linh ba

tám trăm linh tám

tám trăm ba mươi tám

tám trăm tám mươi

chín trăm

chín trăm linh bốn

chín trăm linh chín

chín trăm bốn mươi chín

chín trăm chín mươi

một nghìn

một nghìn không trăm linh
một

một nghìn không trăm mười
hai

một nghìn hai trăm ba mươi
bốn

hai nghìn

hai nghìn không trăm linh hai

hai nghìn không trăm hai
mười ba

hai nghìn ba trăm bốn mươi
lăm

770

727

707

808

803

800

900

880

838

949

909

904

1001

1000

990

2000

1234

1012

2345

2023

2002

ba nghìn

ba nghìn không trăm linh ba

bốn nghìn

bốn nghìn không trăm bốn
mười lăm

năm nghìn

năm nghìn sáu trăm bảy
mười tám

sáu nghìn

bảy nghìn

bảy nghìn tám trăm chín
mười

tám nghìn

tám nghìn chín trăm linh một

chín nghìn

chín nghìn không trăm chín
mười

mười nghìn

mười nghìn không trăm linh
một

hai mươi nghìn không trăm
hai mươi

ba mươi nghìn ba trăm

bốn mươi bốn nghìn

một trăm nghìn

năm trăm nghìn

một triệu

4000

3003

3000

5678

5000

4045

7890

7000

6000

9000

8901

8000

10.001

10.000

9090

44.000

30.300

20.020

1.000.000

500.000

100.000

sáu triệu

mười triệu

bảy mươi triệu

một trăm triệu

tám trăm triệu

một tỷ

chín tỷ

mười tỷ

hai mươi tỷ

một trăm tỷ

ba trăm tỷ

một nghìn tỷ

70.000.000

10.000.000

6.000.000

1.000.000.000

800.000.000

100.000.000

20.000.000.000

10.000.000.000

9.000.000.000

1.000.000.000.000

300.000.000.000

100.000.000.000

Verb

biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

yêu

gọi

chờ đợi

đứng

ngồi

đóng

mở
cửa

thua

thắng

att komma

att tänka

att veta

att hitta

att ta

att lägga

att prata

att arbeta

att lyssna

att hjälpa

att tycka om

att ge

att vänta

att ringa

att älska

att stänga

att sitta

att stå

att vinna

att förlora

att öppna

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

kéo

đẩy

ấn

att sätta på

att leva

att dö

att skada

att döda

att stänga av

att dricka

att titta

att röra

att träffa

att gå

att äta

att följa

att kyssa

att tippa

att fråga

att svara

att gifta sig

att trycka på

att trycka

att dra

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

thưởng thức

dọn dẹp

bắn

att slåss

att fånga

att slå

att läsa

att springa

att kasta

att räkna

att laga

att skriva

att köpa

att sälja

att skära

att drömma

att studera

att betala

att fira

att spela

att sova

att skjuta

att städa

att njuta av

bảo vệ

tấn công

trộm

đốt

cứu

bay

khắc nhớ

đá
động từ

cẩn

thở

ngủ

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

chia sẻ

cho ăn

trốn

att stjäla

att attackera

att försvara

att flyga

att rädda

att brinna

att bita

att sparka

att spotta

att gråta

att lukta

att andas

att skratta

att le

att sjunga

att bråka

att krympa

att växa

att gömma

att mata

att dela

cảnh báo

bơi

nhảy

nâng

đào

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

nôn

la hét

trích dẫn

in

tính toán

kiếm tiền

att hoppa

att simma

att varna

att leverera

att gräva

att lyfta

att resa

att öva

att leta efter

att låsa

att öppna

att måla

att tillaga

att be

att tvätta

att citera

att skrika

att kräkas

att tjäna

att räkna ut

att skriva ut

Adjektiv

mới

cũ

ít

nhiều

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

lớn
to

xinh đẹp

trẻ

già

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

få

gammal

ny

rätt

fel

många

glad

god

ond

liten

lång

kort

ung

vacker

stor

svart

vit

gammal

grön

blå

röd

màu vàng

chậm

nhanh

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

dễ

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

snabb

långsam

gul

rättvis

orättvis

rolig

rik

enkel

svår

svag

stark

fattig

stolt

trött

säker

frisk

sjuk

mätt

hög

låg

arg

ngọt

chua

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

lo lắng

ngạc nhiên

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

màu cam

màu xám

màu nâu

màu hồng

mjuk

sur

söt

dum

söt

hård

lång

upptagen

galen

överbaskad

orolig

kort

smart

ond

skötsam

orange

het

kall

rosa

brun

grå

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

đốc

bằng phẳng

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

quyến rũ

lätt

tung

tråkig

törstig

hungrig

ensam

platt

brant

ledsen

djup

bred

smal

smutsig

enorm

grund

tom

full

ren

sexig

billig

dyr

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

ướt

khô

ồn ào

yên tĩnh

nắng

nhiều mưa

sương mù
tính từ

nhiều mây

generös

modig

lat

högt

torr

blöt

regnig

solig

stilla

molnig

dimmig

Sport

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

chạy marathon

ba môn phối hợp

bóng bàn

cử tạ

quyền anh

cầu lông

trượt băng nghệ thuật

trượt ván tuyết

trượt tuyết

trượt tuyết băng đồng

khúc côn cầu trên băng

löpning

tennis

gymnastik

fotboll

golf

cykling

dykning

simning

basket

triathlon

maraton

vandring

boxning

tyngdlyftning

bordtennis

snowboardåkning

konståkning

badminton

ishockey

längdskidåkning

skidåkning

bóng chuyền

bóng ném

bóng chuyền bãi biển

bóng rugby

bóng gậy

bóng chày

bóng bầu dục Mỹ

bóng nước

nhảy cầu

lướt sóng

đua thuyền buồm

chèo thuyền

yoga

khiêu vũ

nhảy dù

cờ vua

đánh bài poker

bowling

múa ba lê

beachvolleyboll

handboll

volleyboll

baseboll

cricket

rugby

simhopp

vattenpolo

Amerikansk fotboll

rodd

segling

surfing

fallskärmshoppning

dans

yoga

bowling

poker

schack

balett

Djur

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

con rắn

con hổ

con chuột

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

häst

ko

gris

apa

får

hund

kyckling

björn

katt

bi

fjäril

anka

orm

spindel

fisk

kanin

mus

tiger

elefant

åsna

lejon

con chim bồ câu

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

con gấu trúc

con gấu Bắc cực

con chó sói

con gấu túi

con chuột túi

con hươu cao cổ

con cáo

con hà mã

con dơi

con quạ

con thiên nga

mygga

skalbagge

duva

val

myra

fluga

snigel

delfin

haj

isbjörn

panda

groda

känguru

koala

varg

flodhäst

räv

giraff

svan

corp

fladdermus

con chim hải âu

con cú

con chim cánh cụt

con vẹt

con sâu bướm

con chuồn chuồn

con mực ống

con bạch tuộc

con cá ngựa

con hải cẩu

con sứa

con cua

con khủng long

con rùa cạn

con cá sấu

pingvin

uggla

fiskmåås

trollslända

fjärilslarv

papegoja

sjöhäst

åttaarmad bläckfisk

tioarmad bläckfisk

krabba

manet

säl

krokodil

sköldpadda

dinosaurie

Länder

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

Châu Phi

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Amerika

Asien

Europa

Spanien

Storbritannien

Afrika

Frankrike

Italien

Schweiz

Singapore

Thailand

Tyskland

Israel

Japan

Ryssland

Amerikas förenta stater

Kina

Indien

Chile

Kanada

Mexiko

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

Sydafrika

Argentina

Brasilien

Libyen

Marocko

Nigeria

Egypten

Algeriet

Kenya

Australien

Nya Zeeland

Kropp

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

cổ

mông

vai

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

hårstrå

näsa

huvud

öga

öra

mun

hjärta

fot

hand

rumpa

hals

hjärna

ben

knä

axel

barm

mage

arm

tunga

tand

rygg

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

trán

cằm

má
cơ thể

râu

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

móng tay

gót chân

xương sống

tå

finger

läpp

lever

lunga

magsäck

tarm

njure

nerv

kind

haka

panna

lillfinger

tumme

skägg

pekfinger

långfinger

ringfinger

ryggrad

häl

nagel

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàng quang

tĩnh mạch

động mạch

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

skelett

ben

muskel

urinblåsa

kota

revben

vagina

artär

ven

testikel

penis

sperma

Hemma

cửa

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

thùng rác

tô

bàn
văn phòng

badrum

kök

dörr

trädgård

sovrum

vardagsrum

källare

vägg

garage

tak

trappa

toalett

kopp

kniv

fönster

mugg

tallrik

glas

skrivbord

skål

papperskorg

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hàng xóm

thang máy

ban công

gác xép

ống khói

muỗng gỗ

đũa

bộ dao nĩa

muỗng

nĩa

cái vá

nồi

chảo

dusch

spegel

säng

klocka

tavla

soffa

granne

stol

bord

vind

balkong

hiss

ätpinne

träslav

skorsten

gaffel

sked

bestick

stekpanna

kastrull

soppslav

bóng đèn

giá sách

rèm

nệm

gối

chăn

kệ

ngăn kéo

tủ quần áo

xô

chổi

cái cân

giỏ đựng đồ giặt

bồn tắm

khăn tắm
to lớn

xà phòng

giấy vệ sinh

khăn tắm
nhỏ bé

bồn rửa mặt

cái thang

hộp thư

gardin

bokhylla

glödlampa

filt

kudde

madrass

garderob

låda

hylla

våg

kvast

hink

badhandduk

badkar

tvättkorg

handduk

toalettpapper

tvål

brevlåda

stege

handfat

hàng rào



Mat

trứng

phô mai

sữa

cá

thịt

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

nước

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

mjölk

ost

ägg

ben

kött

fisk

socker

bröd

olja

tårta

godis

choklad

te

kaffe

vatten

sallad

vin

öl

frukost

efterrätt

soppa

bữa trưa

bữa tối

pizza

kem

bơ

sữa chua

cá ngừ

cá hồi

giăm bông

thịt ba rọi

xúc xích

thịt gà tây

thịt gà

thịt bò

thịt heo

thịt cừu

bí ngô

nấm

nấm cục

tỏi

tỏi tây

pizza

middag

lunch

yoghurt

smör

glass

skinka

lax

tonfisk

kalkonkött

korv

bacon

fläskkött

nötkött

kycklingkött

svamp

pumpa

lammkött

purjolök

vitlök

tryffel

gừng

cà tím

khoai lang

cà rốt

dưa chuột

ớt

ớt chuông

củ hành

khoai tây

bông cải trắng

bắp cải

bông cải xanh

xà lách

rau chân vịt

tre

ngô

cần tây

đậu Hà Lan

hạt đậu

quả lê

quả táo

sötpotatis

aubergine

ingefära

chili

gurka

morot

potatis

lök

paprika

broccoli

kål

blomkål

bambu

spenat

sallad

ärta

selleri

majs

äpple

päron

böna

quả ô liu

quả sung

quả chà là

quả dừa

quả hạnh nhân

hạt phỉ

đậu phộng

quả chuối

quả xoài

quả kiwi

quả bơ

quả dưa

dưa hấu

quả nho

dưa gang

quả mâm xôi

quả việt quất

quả dâu tây

quả anh đào

quả mận

quả mơ

dadel

fikon

oliv

hasselnöt

mandel

kokosnöt

mango

banan

jordnöt

ananas

avokado

kiwi

sockermelon

druva

vattenmelon

jordgubbe

blåbär

hallon

aprikos

plommon

körsbär

quả đào

quả chanh

quả bưởi

quả cam

cà chua

bạc hà

sả

quế

vani

muối

tiêu

cà ri

thuốc lá
thực vật

đậu hũ

giấm

mì sợi

sữa đậu nành

bột mì

gạo

yến mạch

lúa mì

grapefrukt

citron

persika

mynta

tomat

apelsin

vanilj

kanel

citrongräs

curry

peppar

salt

vinäger

tofu

tobak

mjöl

sojamjolk

nudel

vete

havre

ris

đậu nành

hạt

mật ong

mứt

kẹo cao su

bánh kẹp

bánh quy

bánh pudding

bánh muffin

bánh rán vòng

nước tăng lực

nước cam

nước táo

sữa lắc

coca cola

sô cô la nóng

rượu cocktail

rượu rum

rượu whisky

rượu vodka

thực đơn

honung

nöt

soja

pannkaka

tuggummi

sylt

muffin

pudding

kaka

apelsinjuice

energidryck

munk

cola

milkshake

äppeljuice

rom

cocktail

varm choklad

meny

vodka

whisky

hải sản

mì Ý

sushi

bắp rang bơ

khoai tây lát mỏng

cánh gà

khoai tây chiên

mù tạt

sốt mayonnaise

nước sốt cà chua

bánh mì kẹp

bánh mì kẹp xúc xích

bánh burger

sushi

spaghetti

skaldjur

kycklingvinge

chips

popcorn

majonnäs

senap

pommes frites

varmkorv

smörgås

ketchup

hamburgare

Skola

sách

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

cây bút

bút chì

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

ngiên cứu

bằng cấp

sân thể thao

từ điển

học kì

sổ tay

hình học

läxa

bibliotek

bok

vetenskap

lektion

prov

penna

konst

historia

andra

första

blyertspenna

forskning

fjärde

tredje

ordbok

idrottsplats

examen

geometri

anteckningsblock

termin

chính trị học

triết học

kinh tế học

giáo dục thể chất

sinh học

toán học

địa lý

văn học

hóa học

vật lý

cải thước

cục tẩy

cái kéo

băng dính

keo dán

bút bi

kẹp giấy

ba phần trăm

một trăm phần trăm

không phần trăm

mét khối

ekonomi

filosofi

politik

matematik

biologi

idrott

kemi

litteratur

geografi

suddgummi

linjal

fysik

lim

tejp

sax

3%

gem

kulspetspenna

kubikmeter

0%

100%

mét vuông

dặm

mét

mi-li-mét

xen-ti-mét

đề-xi-mét

phép cộng

phép trừ

phép nhân

phép chia

diện tích

thể tích

hình chữ nhật

hình vuông

tam giác

hình tròn

lít

mililít

tấn

kilôgam

gram

meter

mile

kvadratmeter

decimeter

centimeter

millimeter

multiplikation

subtraktion

addition

volym

area

division

triangel

kvadrat

rektangel

milliliter

liter

cirkel

gram

kilogram

ton

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

phòng thí nghiệm

bài giảng

tratt

mikroskop

magnet

föreläsning

laboratorium

Natur

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

đại dương

biển

băng

tuyết

diamant

eld

aska

stjärna

sol

måne

sjö

kust

planet

kulle

öken

skog

dal

flod

sten

ocean

ö

berg

snö

is

hav

bão táp

mưa

gió

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

kim loại

đất

dung nham

than

cát

đất sét

tên lửa

vệ tinh

thiên hà

tiểu hành tinh

lục địa

đường Xích đạo

Nam cực

Bắc cực

vind

regn

storm

ros

gräs

träd

jord

metall

blomma

sand

kol

lava

satellit

raket

lera

kontinent

asteroid

galax

Nordpolen

Sydpolen

ekvator

suối

rừng nhiệt đới

hang

thác nước

bờ biển
con sông

sông băng

động đất

miệng núi lửa

núi lửa

khí quyển

lũ lụt

sương mù
danh từ

cầu vồng

tiếng sấm

tia chớp

cơn dông

nhiệt độ

bão nhiệt đới

bão

mây

cành cây

grotta

regnskog

bäck

glaciär

strand

vattenfall

vulkan

krater

jordbävning

dimma

översvämning

atmosfär

blixt

åska

regnbåge

tyfon

temperatur

åskväder

gren

moln

orkan

lá cây

rễ cây

thân cây

hạt giống

nhựa

cacbon đioxit

nguyên tử

sắt

ôxy

vàng

bạc

trädstam

rot

löv

koldioxid

plast

frö

syre

järn

atom

silver

guld

Transporter

xe hơi

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

ắc quy

động cơ
xe hơi

túi khí

vô-lăng

dây an toàn

lốp xe

cốp sau

tåg

buss

bil

flygplan

busshållplats

järnvägsstation

cykel

lastbil

fartyg

trafikljus

taxi

motorcykel

batteri

väg

parkering

ratt

airbag

motor

baklucka

däck

bälte

máy bán vé

phòng bán vé

tàu điện ngầm

tàu cao tốc

đầu máy

xe điện

xe buýt trường học

xe buýt nhỏ

sân bay

hãng hàng không

máy bay trực thăng

hạng nhất

hạng phổ thông

hạng thương gia

áo phao

công ten nơ

tàu ngầm

tàu du lịch

tàu chở hàng

du thuyền

phà

tunnelbana

biljettlucka

biljettautomat

spårvagn

lokomotiv

högstastghetståg

flygplats

minibuss

skolbuss

första klass

helikopter

flygbolag

flytväst

affärsklass

ekonomiklass

kryssningsfartyg

ubåt

container

färja

yacht

containerfartyg

hải cảng

xuồng cứu sinh

ra đa

đèn đường

vĩa hè

trạm xăng

công trường

vạch qua đường

tắc đường

đường cao tốc

xe tăng

máy xúc

máy kéo

rơ-moóc

xe tay ga

xe cáp treo

radar

livbåt

hamn

bensinstation

trottoar

gatubelysning

trafikstockning

övergångsställe

byggarbetsplats

grävmaskin

pansarvagn

motorväg

skoter

släp

traktor

linbana

Stad

bệnh viện

trường học

nhà ở

hóa đơn

chợ

siêu thị

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

hus

skola

sjukhus

stormarknad

marknad

räkning

bondgård

universitet

lägenhet

bar

restaurang

kyrka

toalett

park

gym

polis

ambulans

karta

förort

land

brandkår

ngôi làng

bảo hành

trung tâm mua sắm

tiệm thuốc

tòa nhà chọc trời

lâu đài

đại sứ quán

giáo đường Do Thái

ngôi đền

nhà máy

nhà thờ Hồi giáo

tòa thị chính

bưu điện

đài phun nước

câu lạc bộ đêm

băng ghế

sân golf

sân bóng đá

hồ bơi
tòa nhà

sân quần vợt

thông tin du lịch

köpcentrum

garanti

by

slott

skyskrapa

apotek

tempel

synagoga

ambassad

stadshus

moské

fabrik

nattklubb

fontän

postkontor

fotbollsarena

golfbana

bänk

turistinformation

tennisbana

simbassäng

sòng bạc

phòng triển lãm nghệ thuật

bảo tàng

công viên quốc gia

quà lưu niệm

thủy cung

trượt nước

tàu lượn siêu tốc

công viên nước

vườn bách thú

sân chơi

cửa thoát hiểm
tòa nhà

chuông báo cháy

bình cứu hỏa

đồn cảnh sát

tiểu bang

khu vực

thủ đô

museum

konstgalleri

kasino

akvarium

souvenir

nationalpark

vattenpark

berg-och-dalbana

vattenrutschkana

nödutgång

lekplats

djurpark

polisstation

brandsläckare

brandlarm

huvudstad

region

stat

Sjukhus

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

ho

phòng cấp cứu

khoa hồi sức tích cực

phòng chờ

thuốc aspirin

thuốc ngủ

ngày hết hạn

liều lượng

si-rô ho

tác dụng phụ

insulin

bột

viên nhộng

vitamin

thuốc giảm đau

kháng sinh

operation

patient

olycka

hosta

feber

tablett

väntrum

intensivvårdsavdelning

akut

utgångsdatum

sömntablett

aspirin

biverkning

hostmedicin

dosering

kapsel

pulver

insulin

antibiotikum

smärtstillande medel

vitamin

vi khuẩn

vi rút

đau tim

tiêu chảy

tiểu đường

đột quỵ

hen suyễn

ung thư

cúm

đau răng

cháy nắng

viêm họng

đau bụng

nhiễm trùng

dị ứng

chuồn rút

đau đầu

ống tiêm

nặng

chụp X quang

máy siêu âm

hjärtattack

virus

bakterie

stroke

diabetes

diarré

influensa

cancer

astma

halsont

solbränna

tandvärk

allergi

infektion

magont

spruta

huvudvärk

kramp

ultraljudsmaskin

röntgenbild

krycka

bó bột
nhỏ bé

xe lăn

bó bột
gãy xương

mạch

chấn thương

cấp cứu

chấn động

vết bỏng

gãy xương

thuốc tránh thai

thử thai

gips

rullstol

plåster

nödfall

skada

puls

fraktur

brännsår

hjärnskakning

graviditetstest

p-piller

Jobb

bác sĩ

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

người mẫu

nghệ sĩ

thủ tướng

dược sĩ

polis

sjuksköterska

läkare

detektiv

kapten

president

lärare

professor

pilot

assistent

sekreterare

advokat

kock

chef

domare

modell

busschaufför

taxichaufför

apotekare

premiärminister

konstnär

lính cứu hỏa
người

nha sĩ

doanh nhân

chính trị gia

lập trình viên

tiếp viên hàng không

nhà khoa học

giáo viên mầm non

kiến trúc sư

kế toán viên

tư vấn viên

công tố viên

tổng quản lý

vệ sĩ

chủ nhà

bồi bàn

nhân viên bảo vệ

bộ đội

ngư dân

nhân viên vệ sinh

thợ sửa ống nước

entreprenör

tandläkare

brandman

flygvärdinna

programmerare

politiker

arkitekt

förskollärare

forskare

åklagare

konsult

bokhållare

hyresvärd

livvakt

verkställande direktör

soldat

säkerhetsvakt

servitör

rörmokare

städare

fiskare

thợ điện

nông dân

lễ tân

người đưa thư

thu ngân

thợ làm tóc

tác giả

nhà báo

nhiếp ảnh gia

nhân viên cứu hộ

ca sĩ

nhạc sĩ

diễn viên

phóng viên

huấn luyện viên

trọng tài

receptionist

bonde

elektriker

frisör

kassör

brevbärare

fotograf

journalist

författare

musiker

sångare

livräddare

tränare

reporter

skådespelare

domare

Affärer

tiền

văn phòng

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

số điện thoại

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

stress

kontor

pengar

avdelning

personal

försäkring

brev

adress

lön

e-postadress

URL

telefonnummer

namnteckning

e-post

webbsida

kund

vinst

förlust

lösenord

kreditkort

belopp

máy rút tiền

thuế

phòng họp

danh thiếp

công nghệ thông tin

nhân sự

bộ phận pháp lý

kế toán

tiếp thị

bán hàng

đồng nghiệp

người sử dụng lao động

nhân viên
người

chú thích

thuyết trình

bìa cứng

con dấu cao su

máy chiếu

bưu kiện

con tem

phong bì

mötesrum

skatt

bankomat

personalavdelning

IT

visitkort

marknadsföring

bokföring

juridisk avdelning

arbetsgivare

kollega

försäljning

presentation

anteckning

anställd

projektor

stämpel

pärm

kuvert

frimärke

paket

trình duyệt

đầu tư

sàn giao dịch chứng khoán

tiền giấy

tiền xu

tiền lãi

khoản vay

số tài khoản

tài khoản ngân hàng

aktiebörs

investering

webbläsare

ränta

mynt

sedel

bankkonto

kontonummer

lån

Enheter

điện thoại

bộ tivi

máy ảnh

đài radio

quạt

máy điều hòa

máy pha cà phê

máy nướng bánh mì

máy hút bụi

máy sấy tóc

ấm đun nước

máy rửa chén

bếp điện

lò nướng

lò vi sóng

tủ lạnh

máy giặt

điều khiển từ xa

tai nghe

chuột

bàn phím

kamera

TV-apparat

telefon

luftkonditionering

fläkt

radio

dammsugare

brödrost

kaffemaskin

diskmaskin

vattenkokare

hårtork

mikrovågsugn

ugn

spis

fjärrkontroll

tvättmaskin

kylskåp

tangentbord

mus

hörlur

ổ cứng

thanh USB

máy quét

máy in

màn hình

máy tính xách tay

rô bốt

loa

skanner

USB-sticka

hårddisk

bärbar dator

skärm

skrivare

högtalare

robot